

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ
Bản án số: 81/2025/HS-PT
Ngày 04 tháng 9 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn.

Ông Trần Đình Chi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2025 do có kháng cáo của các bị cáo: Đinh Văn P, Trần Hà P1, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thị Thảo L, cháu Nguyễn Việt A, cháu Đỗ Hoàng T và những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo: Đinh Văn P, Trần Hà P1, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thị Thảo L, cháu Nguyễn Việt A, cháu Đỗ Hoàng T1 với Bản án hình sơ thẩm số: 55/2025/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ).

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Đinh Văn P; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 23/8/2007 tại Phú Thọ (khi thực hiện hành vi phạm tội P 16 tuổi 10 tháng 21 ngày); Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Đinh Xuân B, sinh năm 1986; Mẹ đẻ: Lê Thị H, sinh năm 1986; Bố, mẹ bị cáo hiện đều ở khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là út; Vợ: Trần Hà P1 (Chưa đăng ký kết hôn); Tiền án: Bản án số 10/2024/HSST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 19/3/2024, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ; Tiền sự: Không có;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh P (có mặt).

- *Đại diện hợp pháp cho bị cáo* Đinh Văn P: Ông Đinh Xuân B, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ(Nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo* Đinh Văn P:

+ Bà Đỗ Hồng N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

+ Ông Lê Văn C và bà Chủ Thị Mỹ H1 – Luật sư thuộc Công ty L3 – Đoàn luật sư tỉnh P.

Địa chỉ: Tầng D, số nhà B, đại lộ H, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là phường N, tỉnh Phú Thọ)(có mặt) .

2. Họ và tên: Trần Hà P1; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 17/11/2007 tại Phú Thọ (khi thực hiện hành vi phạm tội P1 16 tuổi 7 tháng 27 ngày);Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu C, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ(Nay là xã D, tỉnh Phú Thọ); Chỗ ở hiện nay: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12;Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trần Mạnh H2, sinh năm 1982; Mẹ đẻ: Trương Thị Thu H3, sinh năm 1979; Bố, mẹ bị cáo hiện đều ở khu C, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Gia đình bị cáo có 03 chị em. Bị cáo là con lớn nhất; Chồng: Đinh Văn P (chưa đăng ký kết hôn), Bị cáo có 01 con sinh tháng 11/2024; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Đại diện hợp pháp cho bị cáo* Trần Hà P1: Ông Trần Mạnh H2, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu C, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ(Nay là xã D, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Hà P1: Bà Phạm Thị T2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo:**

1. Cháu Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 15/6/2010; địa chỉ: Khu C, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã P, tỉnh Phú Thọ).

- *Đại diện hợp pháp cho cháu* L: Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã P, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu L: Bà Phạm Thị T2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

2. Cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 03/7/2010; địa chỉ: Khu G, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).

- Người đại diện cho cháu A: Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu F, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (cô của Việt A). Mẹ đẻ Nguyễn Việt A là bà Nguyễn Thị N2, địa chỉ: Xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu A: Bà Đỗ Hồng N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

3. Cháu Đỗ Hoàng T, sinh ngày 25/11/2010; địa chỉ: Khu D, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).

- Đại diện hợp pháp cho cháu T: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu D, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T: Bà Phạm Thị T2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt) .

*** Các bị cáo không kháng cáo:**

1. Họ và tên: Đỗ Minh T3; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15/9/2005 tại Phú Thọ; Đăng ký hộ khẩu thường trú + chỗ ở hiện nay: Khu F, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Đỗ Hồng C1 (Đã chết); Mẹ đẻ: Hoàng Thị Kiều T4, sinh năm 1983; Mẹ bị cáo hiện ở khu F, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là út; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo Đỗ Minh T3 có hành vi trộm cắp tài sản tại xã T, huyện L vào tháng 05/2024. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện L đã Khởi tố vụ án, Khởi tố bị can và bắt tạm giam về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bản án hình sự sơ thẩm số 15 ngày 20/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt Đỗ Minh T3 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (T3 đã chấp hành xong hình phạt ngày 05/03/2025). Hiện bị cáo đang là bị can và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh P trong vụ án gây rối trật tự công cộng do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P điều tra (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H10; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 14/9/2007 tại Vĩnh Phúc (khi thực hiện hành vi phạm tội H10 16 tuổi 10 tháng 15 ngày); Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ); Chỗ ở hiện nay: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Văn V1, Sinh năm 1979; Mẹ đẻ: Hoàng Thị H5, Sinh năm 1982; Bố, mẹ bị cáo hiện đều ở thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo Nguyễn Văn H10 có hành vi trộm cắp tài sản tại xã T, huyện L vào tháng 05/2024. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện L đã Khởi tố vụ án, Khởi tố bị can và bắt tạm giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án hình sự sơ thẩm số 15 ngày 20/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Lâm Thao xử phạt H10 4 tháng 15 ngày tù (H10 đã chấp hành xong hình phạt). Hiện bị cáo đang tại ngoại tại Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

*** Các bị hại không kháng cáo:**

1. Cháu Phạm Ngọc D, sinh năm 2007; địa chỉ: Khu H, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho cháu D: Ông Phạm Ngọc H6; địa chỉ: Khu H, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt)..

2. Chị Nguyễn Thị H7, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu C, P, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là phường N, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

1. Cháu Nguyễn Anh T5, sinh ngày 23/7/2010; địa chỉ: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã P, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt).

- Đại diện hợp pháp cho cháu T5: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã P, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt)..

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T5: Bà Đỗ Hồng N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu A, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt).

3. Ông Tạ Minh H8, sinh năm 1997; địa chỉ: Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là phường N, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt)..

4. Bà Lê Thị N3, sinh năm 2003; địa chỉ: Khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt).

5. Ông Đặng Hữu C2, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu F, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/04/2024, Đỗ Minh T3, Sinh ngày: 15/09/2005, Nơi thường trú: khu F, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Văn H10, sinh ngày: 14/09/2007, Nơi thường trú: thôn H, xã Đ, huyện Y, T (còn có tên bạn bè thường gọi khác là Huy A1) cùng với một số đối tượng khác đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của gia đình bà Triệu Thị T7 tại khu A, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Đến ngày 05/08/2024, T3 và H10 đã ra Công an huyện L để đầu thú. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Đỗ Minh T3 và Nguyễn Văn H10 (cùng với các đồng phạm khác) về tội trộm cắp tài sản (*vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đưa ra xét xử ngày 20/12/2024*). Trong quá trình điều tra vụ án nêu trên, ngày 19/08/2024, trên cơ sở kết quả điều tra xác minh, Công an huyện L đã có văn bản đề nghị Công an thành phố V rà soát 01 vụ trộm cắp tài sản khác xảy ra tại địa bàn thành phố V vào ngày 29/07/2024 có Đỗ Minh T3 và Nguyễn Văn H10 cùng tham gia. Qua xác minh rà soát, Công an thành phố V đã xác định Đinh Văn P, sinh ngày 23/08/2007, Nơi thường trú: khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là đối tượng gây ra vụ trộm cắp số tiền 180 triệu đồng vào ngày 29/07/2024 của gia đình chị Nguyễn Thị H7 tại khu C, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã xác định được: Đinh Văn P, sinh ngày: 23/08/2007, Nơi thường trú: khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và Trần Hà P1, sinh ngày: 17/11/2007, Nơi thường trú: khu C, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ có mối quan hệ tình cảm yêu đương và chung sống với nhau như vợ chồng. Do Trần Hà P1 có thai nên P và P1 đã được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ vào tháng 5/2024 nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do chưa đủ tuổi kết hôn. Sau khi kết hôn thì Đinh Văn P và Trần Hà P1 ở riêng tại nhà của gia đình P ở K, V. Sau đó đến đầu tháng 7/2024, Đinh Văn P và Trần Hà P1 thuê 01 phòng trọ tại khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do ông Trịnh Trung H9, SN: 1977, Nơi thường trú: phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ làm chủ để ở. Trong quá trình sinh sống ở đây, thường xuyên có một nhóm bạn của P và P1 đến ở và sống cùng gồm: Đỗ Minh T3, sinh ngày: 15/09/2005, Nơi thường trú: khu F, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Thị Thảo L, Sinh ngày: 15/06/2010, Nơi thường trú: khu C, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Anh T5, Sinh ngày 23/07/2010, Nơi thường trú: khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Đỗ Hoàng T, sinh ngày: 25/11/2010, Nơi thường trú: khu D, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Việt A, sinh ngày: 03/07/2010, Nơi thường trú: khu G, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Ngoài ra còn có Nguyễn Văn H10, Sinh ngày: 14/09/2007, Nơi thường trú: thôn H, xã Đ, huyện Y, T - là bạn chơi thân với Đỗ Minh T3 có mối quan hệ quen biết và chơi cùng với nhóm này).

Cũng giống như Đinh Văn P và Trần Hà P1, các đối tượng trên đều đã bỏ học, ham chơi, lười lao động, thiếu sự quan tâm, quản lý của gia đình nên thường xuyên rủ nhau bỏ nhà đi chơi. Để có tiền phục vụ ăn nghỉ, sinh hoạt trong quá trình ở trọ, cả nhóm đã bàn nhau đi trộm cắp tài sản của người khác rồi đem bán lấy tiền cùng ăn tiêu sinh hoạt chung hoặc chia cho nhau tự mua sắm cá nhân. Tài sản mà các đối tượng nhắm đến là các đồ dùng trong các dãy nhà trọ hoặc tiền trong các nhà dân đi làm vắng, để trong két, không có người trông giữ. Trong quá trình sinh sống ở nhà trọ thì Phú là người cầm tiền và chi tiêu chung cho cả nhóm. Khi đi trộm cắp, các đối tượng không phân công trách nhiệm, vai trò của từng người làm gì mà tự giác mỗi người thực hiện một việc khác nhau từ việc chuẩn bị công cụ phương tiện cho đến việc trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp hoặc tham gia với vai trò cảnh giới, giúp sức.

Với lối sống và hoạt động như trên, trong tháng 7/2024, nhóm đối tượng trên đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn xã T và xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 14/07/2024, Đinh Văn P đang ở phòng trọ số 04 của dãy nhà trọ của ông H9 tại khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ cùng với Trần Hà P1, Nguyễn Anh T5, Đỗ Hoàng T, Nguyễn Việt A, Nguyễn Thị Thảo L và Đỗ Minh T3. Do hết tiền tiêu, P có nói: "Hết tiền tiêu rồi giờ phải làm thế nào". Thuỷ lúc này có nói: "Tại phòng số hai lâu không có người về, em thấy có nhiều đồ" (phòng số 02 là do anh Phạm Ngọc D, SN: 2007, Nơi thường trú: khu H, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ thuê ở, khoá cửa, ít khi về ở). Để thực hiện việc trộm cắp, P đưa cho T5 5.000 đồng (Năm nghìn đồng) và bảo T5 cùng Việt A đi ra chợ xã T mua 01 lưới cửa bằng kim loại sáng

màu dài 30 cm, không có tay cầm, có hai đầu lưỡi sắc nhọn. Sau khi có lưỡi cưa, P bảo P1, L và T đứng ra ngoài cổng của dãy trọ để cảnh giới, còn P đứng cạnh xem T5 và Việt A dùng lưỡi cưa cửa khoảng 15 phút, phá khoá mở cửa phòng số 02. Thấy trong phòng có 01 chiếc quạt điều hoà nhãn hiệu LULUSY model LU80A màu trắng để ở gần giường ngủ; 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu PANASONIC màu xám loại 150 lít ở góc tường gần cửa sổ; 01 chiếc bếp ga nhãn hiệu CLesse màu đỏ đen loại bếp đôi; 01 bình ga bằng thép màu xanh loại 12 kilogam và 01 cái nồi cơm điện nhãn hiệu SHARP màu trắng xám dung tích 1,8 lít đều để gần lối vào phòng vệ sinh trong phòng trọ của anh D. P quay lại gọi T3 đang ngủ bên phòng số 04 sang, cùng với T, T5, Việt A bê tất cả những đồ gia dụng trên sang phòng số 7, là phòng cuối cùng của dãy trọ, không có người ở, không khoá cửa. Sau đó, P cùng với P1, L, T, T5, Việt A và T3 lần lượt đem bán chiếc quạt điều hoà cho bà Lê Thị M, SN: 1992, Nơi thường trú: khu A, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ là chủ Cửa hàng thu mua đồ cũ tại khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ được số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng); bán chiếc tủ lạnh cho ông Tạ Minh H8, SN: 1997, Nơi thường trú: đội A, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ được số tiền là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng); bán bếp ga và bình ga cho bà Lê Thị N3, SN: 2003, Nơi thường trú: khu E, xã T, thành phố V lấy số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và bán nồi cơm điện cho ông Đặng Hữu C2, SN: 1983, HKTT: khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ lấy số tiền là 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bán được là 1.180.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền này do P cầm, sử dụng hết cho việc ăn tiêu sinh hoạt của tất cả số người trên tại phòng trọ. Để tránh bị phát hiện do đã dùng cưa cắt khoá cửa phòng của anh D, P đã đưa 37.000 đồng (Ba mươi bảy nghìn đồng) cho T để mua 01 chiếc khoá khác về khoá lại phòng của anh D như cũ, lưỡi cưa dùng để cắt khoá được T5 vứt bỏ ra bãi rác gần phòng trọ. Đến ngày 19/07/2024, anh D đi về phòng trọ của mình thì phát hiện đã bị thay khoá và bị mất những đồ gia dụng trong phòng. Do nghi ngờ việc bị mất tài sản là do những thanh niên ở phòng trọ số 04 gây ra, D có sang phòng số 04 gặp T5 và T3 đang ở trong phòng nhưng T5 và T3 không thừa nhận. Thấy anh D nghi ngờ nhóm của mình gây ra nên T5 đã thông báo cho P, P1, T, Việt A và L bỏ đi, không quay lại phòng trọ nữa. Đến ngày 26/08/2024, anh D đã làm đơn trình báo đến Công an xã T việc mất tài sản có giá trị khoảng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ngày 29/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã tiến hành yêu cầu định giá tài sản là những đồ gia dụng do Đinh Văn P cùng đồng phạm trộm cắp ngày 14/07/2024 tại khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Tại Kết luận định giá tài sản số 684/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố V kết luận:

+ *Giá 01 (một) chiếc nồi cơm điện nhãn hiệu SHARP màu trắng xám dung tích 1,8 lít đã qua sử dụng là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng);*

+ *Giá 01 (một) chiếc bếp ga nhãn hiệu CLesse màu đỏ đen loại bếp đôi đã qua sử dụng là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng);*

+ Giá 01 (một) bình ga bằng thép màu xanh loại 12 kilogam đã qua sử dụng là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng);

+ Giá 01 (một) chiếc tủ lạnh nhãn hiệu PANASONIC màu xám loại 150 lít, một cánh cửa đã qua sử dụng là: 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng);

+ Giá 01 (một) chiếc quạt điều hoà nhãn hiệu LULUSY model LU80A màu trắng đã qua sử dụng là: 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai:Sau ngày 19/7/2024, khi vụ trộm cắp tài sản ngày 14/7/2024 tại Phòng trọ số 2 nhà trọ tại Khu E T bị phát hiện thì P và P1 quay về nhà mình ở nhưng vẫn thường xuyên liên lạc, gặp gỡ nhóm bạn trên (gặp trực tiếp hoặc liên lạc bằng cách mượn điện thoại của người thân trong gia đình). Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 29/07/2024, Đỗ Hoàng T điều khiển xe điện màu đen (chưa xác định được nhãn hiệu, biển số) chở Nguyễn Anh T5 đi chơi quanh xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Do cả hai không có tiền nên T5 đã rủ T đi tìm nhà dân nào sơ hở thì trộm cắp tài sản bán lấy tiền ăn tiêu. Khi đi đến khu công nghiệp T, phát hiện nhà chị Nguyễn Thị H7, sinh năm 1993 ở khu C, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ không đóng và khoá cửa cổng, xung quanh có ít nhà dân. T5 gọi: "Có ai ở nhà không" nhưng không thấy ai trả lời, xác định nhà đi vắng, không có người nên T5 bảo với T: "Đi về nhà xem có gì để phá khoá không, nhờ nhà người ta có khoá để còn phá". T điều khiển xe điện chở T5 về nhà mình ở khu D, phường V lấy 01 chiếc kim bằng kim loại tối màu có tổng chiều dài là 21cm, tay cầm bằng kim loại được buộc bằng chỉ màu đỏ (Kim này bố của T thường dùng để sửa chữa giày dép) đưa cho T5 cầm cài vào thắt lưng quần. Trên đường đi, T5 gặp Nguyễn Việt A nên rủ Việt A tham gia cùng. Khi đi, Việt A điều khiển xe kiểu dáng Honda Wave màu đen (chưa xác định được biển kiểm soát) cầm theo 01 thanh sắt dài 80cm bằng kim loại tối màu có đường kính 02cm, một đầu bẹp nhọn, một đầu được uốn cong hình mỏ vịt đập chẻ hai đầu (kiểu xà cày). Sau đó T5 mượn xe Honda Wave màu đen mà Việt A đi để đến nhà gọi P, P1. P điều khiển xe gắn máy nhãn hiệu Smile Cub màu trắng đỏ, gắn biển số 19AN-006.55, chở theo P1 ngồi sau đi cùng. Khi cả nhóm đến khu vực cổng Công ty B1 thuộc Phường V, thành phố V thì P điều khiển xe đến nhà rủ thêm Đỗ Minh T3; T thì rủ thêm Nguyễn Thị Thảo L; sau khi P đón được T3 thì T3 lại mượn xe để đến đón thêm bạn là Nguyễn Văn H10 đi cùng tham gia thực hiện vụ trộm cắp. Do phát sinh việc đón và rủ thêm người nên cả nhóm hẹn nhau đợi ở khu vực cổng chào xã T. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày 29/07/2024, P cùng P1, T, T5, Việt A, H10, T3 và L đã đến khu vực cổng chào xã T. Sau đó, T5 dẫn đường cả nhóm, di chuyển bằng 03 phương tiện (01 xe gắn máy nhãn hiệu Smile Cub màu trắng đỏ của P1, 01 xe điện màu đen và 01 xe Honda Wave màu đen) đến nhà chị H7. Từ đường lớn lên nhà chị H7 là một con đường đất dài và có độ thoải dốc. Khi lên đến giữa dốc (cách cổng nhà chị H7 khoảng 20m) thì các đối tượng dừng lại. Tại đây, P và T3 bảo T, P1, L và H10 đứng ở ngoài cảnh giới (vị trí đứng phù hợp để cảnh giới do giữa dốc, thuận tiện quan sát người đến từ phía dưới) và dặn là nếu thấy người đến thì chạy lên hú to để mọi người còn biết. Sau đó, P trực tiếp cầm thanh sắt kiểu xà cày, T5 cầm

kìm cùng T3 và Việt A đi vào nhà chị H7. P cùng T5 và Việt A đi vào theo lối đằng sau nhà vòng qua bếp đi lên phòng khách của nhà chị H7 mở cửa (cửa không khoá), còn T3 đi vào từ lối phía trước nhà. T5 lục tủ quần áo trong phòng khách, còn P, Việt A và T3 lục tìm trong ngăn tủ nhựa đựng quần áo ở bên trong phòng ngủ nhưng đều không thấy tài sản gì. Lúc này, P phát hiện có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, loại két bạc K48 màu xanh rêu để gần lối ra vào phòng ngủ nhà chị H7. P cầm thanh sắt kiểu xà cày lấy phần đầu bẹp vát nhọn của xà cày liên tục đục vào phần cánh cửa của chiếc két sắt nhưng không cạy được cánh két sắt ra. Sau đó, lần lượt đến T5, Việt A và T3 thay nhau liên tục cầm xà cày đục phá khoảng 30 phút vào cửa két sắt thì mở được cánh cửa ra. Thấy bên trong két có 02 ngăn, 01 ngăn chỉ có giấy tờ còn 01 ngăn nhỏ ở trên bị khoá nên P cầm xà cày đục phá thêm cánh cửa ngăn két nhỏ này khoảng 15 phút nữa thì mở được ngăn này ra. Thấy bên trong có để 04 cọc tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) được buộc lại bằng dây chun và 01 hộp bằng nhựa màu đỏ bên trong đựng 02 chiếc nhẫn bằng vàng tây. P cầm lấy 02 cọc tiền đưa cho Việt A cầm, còn P cầm lấy 02 cọc tiền đục vào túi quần của mình. Còn 02 chiếc nhẫn bằng vàng tây thì P để lại, không lấy. Sau khi lấy được tiền trong két, P nhặt 01 túi ni lông đen ở thêm hè nhà chị H7 rồi bảo Việt A đưa lại 02 cọc tiền cho P và cho 04 cọc tiền vào bên trong túi ni lông đen này, rồi cùng Việt A, T3, T5 đi ra ngoài. Khi ra khỏi nhà chị H7, P điều khiển xe nhãn hiệu Smile Cub chở P1 ngồi phía sau và đưa túi ni lông đen đựng tiền cho P1 cầm. P điều khiển xe đi ra quán C3 (là quán P thường hay đến chơi) ở khu H thuộc phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để đếm và chia tiền. Việt A, T5, T3, L, T, Huy chờ nhau trên hai xe còn lại (xe điện màu đen và xe Honda Wave màu đen) đi theo P. Trên đường ra quán, T3 liên tục đòi P chia tiền trước cho mình để còn đi chơi điện tử. Vì vậy, P bảo P1 lấy 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) từ trong túi ni lông đen đưa trước cho T3. Nhưng sau khi được P1 đưa tiền, thấy nhóm của P đi ra quán nước thì T3 vẫn tiếp tục đi cùng nhóm. Khi đến quán C3, V và T cất giấu xà cày, kìm vào cột điện gần đó rồi cùng P, P1, T3, H10, L và T5 đi lên tầng 2 (là khu vực kín và ít ánh sáng) để chia nhau đếm số tiền trộm cắp được. P bỏ tiền ra đếm được tổng số tiền là 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Số tiền này, P đã chia cho L số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); chia cho Thái số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); chia cho Thuỷ số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); chia cho Việt Anh số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và cho Huy số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Vì T3 đã được chia 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) từ trước nên không được P chia thêm nữa, T3 có thắc mắc và đòi thêm thì P bảo vì T3 đục (tức là tham gia việc phá két) ít nên chỉ chia cho thế thôi. Còn lại số tiền 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng) thì P giữ lại. Sau đó, ai về nhà đấy. Khi ra về, T mang kìm về cất ở nhà, còn chiếc xà cày thì Việt A mang bán cho bà Nguyễn Thị T6, SN: 1961, Nơi thường trú: khu F, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ được 40.000 đồng (Bốn mươi nghìn đồng). Số tiền 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng) khi về nhà, P đã đưa P1 khoảng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để P1 chi tiêu cho bản thân và chung cho vợ chồng, số còn lại thì P đã tiêu sài cá nhân hết.

Quá trình điều tra ban đầu tại Công an thành phố V, qua làm việc và thực hiện đối chất giữa các đối tượng, Đinh Văn P, Đỗ Minh T3, Nguyễn Văn H10, Đỗ Hoàng T, Nguyễn Anh T5 và Nguyễn Việt A2 thừa nhận hành vi vi phạm như đã nêu trên.

Đối với Trần Hà P1, quá trình điều tra P1 liên tục thay đổi lời khai. Trong hai vụ trộm cắp, P1 thừa nhận có tham gia vụ trộm cắp tài sản ngày 14/7/2024 tại khu nhà trọ thuộc Khu 5 xã T; riêng đối với hành vi trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024 tại khu 3 xã T, thành phố V, tại bản khai ngày 23/8/2024 tại Cơ quan điều tra, P1 thừa nhận có tham gia nhưng sau đó thì P1 khai không tham gia vào vụ việc này. Tuy nhiên, các đối tượng gồm Đinh Văn P, Đỗ Minh T3, Nguyễn Việt A, Đỗ Hoàng T, Nguyễn Anh T5 và Nguyễn Văn H10 đều khẳng định Trần Hà P1 có tham gia vào vụ trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024 tại đội 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, trong đó, P1 có vai trò là người cùng T, L và H10 cảnh giới; sau khi trộm cắp được tiền, P1 là người trực tiếp đưa số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) cho T3 trên đường ra quán 9S. Bản thân P1 cũng được hưởng lợi một phần tiền (khoảng 20.000.000 đồng) do P chia cho. Do vậy, đủ căn cứ khẳng định Trần Hà P1 đã tham gia trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024 tại đội 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 30/08/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Đinh Văn P, Trần Hà Phương, Đỗ Minh T3 và Nguyễn Văn H10 về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với Đỗ Hoàng T, Nguyễn Anh T5, Nguyễn Thị Thảo L và Nguyễn Việt A: là những đối tượng đã cùng Đinh Văn P, Trần Hà P1 và Đỗ Minh T3 trộm cắp 01 quạt điều hoà, 01 tủ lạnh, 01 nồi cơm điện, 01 bếp ga và 01 bình ga của anh Phạm Ngọc D có trị giá 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) vào ngày 14/07/2024 tại khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và cùng Đinh Văn P, Trần Hà P1, Đỗ Minh T3 và Nguyễn Văn H10 trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của chị Nguyễn Thị H7 vào ngày 29/07/2024 tại đội 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 182.300.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì tuổi của Đỗ Hoàng T là: 13 tuổi 07 tháng 18 ngày; tuổi của Nguyễn Thị Thảo L là 14 tuổi 01 tháng; tuổi của Nguyễn Anh T5 là 13 tuổi 11 tháng 21 ngày và tuổi của Nguyễn Việt A là 14 tuổi 13 ngày. Căn cứ Khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự thì T, T5, Việt A, L đều chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã có Công văn đề nghị UBND xã P và phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ cùng UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ có biện pháp quản lý giáo dục các đối tượng và xử lý theo quy định pháp luật.

Sau khi bị khởi tố, điều tra, do bị can Trần Hà P1 thay đổi lời khai, không thừa nhận có tham gia vào vụ trộm cắp tài sản ngày 29/7/2024, đồng thời đối tượng Nguyễn Việt A cũng có sự thay đổi lời khai, không thừa nhận có tham gia vào vụ trộm cắp tài sản ngày 29/7/2024. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã tiến

hành Hối cung bị can đối với Đinh Văn P, Nguyễn Văn H10, Đỗ Minh T3 và ghi lời khai, đối với Nguyễn Anh T5: Cả P, H10, T3 và T8 khẳng định có tham gia vào vụ việc trộm cắp tài sản là số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của chị Nguyễn Thị H7, SN: 1993, Nơi thường trú: đội C, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ vào ngày 29/07/2024. Trong đó, P cùng T5, Việt A và T3 là người trực tiếp vào nhà chị H7 để đục phá kết sắt trộm cắp tiền. Còn H10, P1, L và T đứng ngoài cảnh giới cho việc trộm cắp tài sản. Sau khi trộm cắp được tiền, P chia cho T5 hưởng lợi số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); chia cho H10 hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); chia cho L hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); chia cho Việt Anh hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); chia cho T3 hưởng lợi số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) và chia cho P1 hưởng lợi số tiền là khoảng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền còn lại thì P hưởng lợi và đã ăn tiêu hết. Mặc dù biết P1, Việt A và L không thừa nhận việc trộm cắp tài sản nhưng P vẫn khẳng định cùng P1, Việt A, L, T, T5, H10 và T3 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 29/07/2024 tại xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; H10 khẳng định cùng P1, Việt A, L, T, T5, P và T3 thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của chị H7 vào ngày 29/07/2024.

Làm việc với Nguyễn Anh T5: Thái khẳng định mình tham gia vào cả 02 vụ trộm cắp tài sản, gồm vụ trộm cắp 05 đồ gia dụng vào ngày 14/07/2024 tại khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và vụ trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024 tại đội 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đến ngày 14/01/2024, T5 đã nhờ gia đình đến Cơ quan điều tra để tự nguyện bồi thường, khắc phục số tiền là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) cho chị H7, số tiền còn lại Thái xin được khắc phục sau. Ngoài ra T5 còn khai báo thêm nội dung: Trong quá trình điều tra, T5 đã bị Trần Hà P1 cùng Nguyễn Thị Thảo L nhiều lần nhấn tin đe dọa, yêu cầu T5 không thừa nhận vụ việc trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024. Tuy nhiên, quá trình làm việc với Cơ quan điều tra T5 vẫn khẳng định bản thân T5 cùng P1, L, T, T3, P, H10 và Việt A đã cùng thực hiện việc trộm cắp nêu trên và được P chia cho hưởng lợi số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tiến hành đối chất giữa Đinh Văn P và Trần Hà P1: Phúc khai Phương có tham gia vào việc trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng vào ngày 29/07/2024 tại đội 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. P khai rõ P là người bảo P1 đứng cảnh giới bên ngoài nhà chị H7 để P cùng T5, Việt A và T3 vào trộm cắp tài sản. Sau khi trộm cắp được số tiền 180.000.000 đồng, P là người đưa cho P1 cầm tiền rồi đi đến quán C3 ở khu H thuộc phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để cùng nhóm bạn chia hưởng lợi số tiền này. Trong đó, P1 là người trực tiếp chia cho T3 hưởng lợi số tiền là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) theo sự chỉ đạo của P. Nội dung này phù hợp với lời khai của T3 trong toàn bộ quá trình điều tra.

Đối với Nguyễn Việt A: là người chuẩn bị xà cây bằng kim loại tối màu có tổng chiều dài là 80 cm có đường kính 02cm, một đầu bẹp nhọn, một đầu

được uốn cong hình mỏ vịt đập chẽ hai đầu khi đi trộm cắp tài sản; Việt A trực tiếp cùng P, T3, T5 vào nhà chị H7 rồi cầm xà cày trên cây phá kết sắt lấy đi số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và được P chia cho hưởng lợi số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Sau đó, Việt A đã cầm chiếc xà cày mang bán cho bà Nguyễn Thị T6, SN: 1961, Nơi thường trú: khu F, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ lấy số tiền 40.000 đồng (Bốn mươi nghìn đồng). Ngày 01/09/2024, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với bà T6 và tạm giữ được chiếc xà cày trên. Đồng thời, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho các bị can, người liên quan khác nhận dạng và đều xác định đây chính là chiếc xà cày mà các đối tượng sử dụng để cây phá kết sắt trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024. Quá trình điều tra, Việt A đã thay đổi lời khai, lúc thì thừa nhận việc trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024 tại xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Lúc thì Việt A khai không tham gia vào vụ việc này. Nhưng các bị can P, T3, H10 và T5 đều khẳng định Việt A có tham gia trộm cắp tài sản vào ngày 29/07/2024. Do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Việt A không bị khởi tố để điều tra xử lý theo quy định của Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Thị Thảo L: Quá trình điều tra, sau nhiều lần triệu tập Linh mới đến Cơ quan điều tra làm việc. Mặc dù L đều khai báo không tham gia vào việc trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024 nhưng các bị can P, T3, H10 và T5 đều khẳng định L đã tham gia cùng thực hiện hành vi phạm tội, đứng cạnh giới khi P, T3, T5 và Việt A vào nhà chị H7 cây phá kết sắt lấy đi số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và được P chia cho hưởng lợi số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên L không bị khởi tố để điều tra xử lý theo quy định của Bộ luật hình sự.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử vào ngày 21/02/2025 tại Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, các bị cáo và những đối tượng liên quan đều lần lượt phản cung, không thừa nhận có tham gia vụ trộm cắp số tiền 180.000.000đ của gia đình chị Nguyễn Thị H7 vào ngày 29/7/2024 tại khu C, T, V. Đồng thời, tại phiên toà, ông Đinh Xuân B là bố đẻ, người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đinh Văn P đã cung cấp cho Toà án 01 USB trong đó có 02 file chứa dữ liệu hình ảnh được sao từ camera theo ông B cung cấp là có nội dung chứng minh vào ngày 29/7/2024 Đinh Văn P ở nhà không tham gia vụ trộm cắp tài sản tại Khu 3 xã T, thành phố V và vào ngày 21/8/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố V đến bắt Đinh Văn P tại xưởng may H11 chứ không phải là P đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đầu thú như hồ sơ vụ án thể hiện. Đây là chứng cứ mới được ông B xuất trình tại toà, chưa được thẩm tra, xác minh trong quá trình điều tra vụ án. Do vậy, ngày 24/02/2025 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ra Quyết định đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung để làm rõ. Ngày 25/02/2025 sau khi nhận hồ sơ từ Toà án, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì đã ra Quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V để điều tra bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng xét xử TAND thành phố Việt Trì. Quá trình điều tra bổ sung đã xác định được:

* Đối với 01 USB có chứa 02 File video trích từ CAMERA do ông Đinh Xuân B cung cấp tại Toà án. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với ông Đinh Xuân B để xác định nguồn gốc 02 file video ông B đã cung cấp cho Toà án nhân dân thành phố Việt Trì vào ngày 21/02/2025. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, ông B xác định, đối với 01 file video có dữ liệu thể hiện ngày 29/7/2024 là file video ông B được bà Đinh Thị M1 (là chị gái của ông B) trích từ dữ liệu camera của nhà bà M1 gửi cho ông B và ông B đã giao nộp file video này cho Cơ quan điều tra Công an thành phố V vào ngày 25/8/2024. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trưng cầu giám định đối với file video mà ông B cung cấp. Tại Bản kết luận giám định số 75 ngày 14/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: *Không đủ cơ sở xác định nội dung trong File video gửi giám định có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không (do nội dung hình ảnh được ghi lại qua màn hình của một thiết bị khác)*. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với bà Đinh Thị M1 đề nghị cung cấp file video gốc của hệ thống CAMERA để phục vụ công tác giám định, nhưng bà M1 chưa cung cấp được cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra bổ sung theo yêu cầu của Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, ngày 16/3/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã làm việc lại một lần nữa với bà M1 để yêu cầu cung cấp file video gốc để phục vụ công tác giám định nhưng bà M1 không cung cấp được. Vì vậy, đối với nội dung file video do ông B cung cấp không có giá trị chứng minh Đinh Văn P có chứng cứ ngoại phạm trong vụ án trộm cắp tài sản là số tiền 180 triệu đồng của gia đình chị Nguyễn Thị H7 vào ngày 29/07/2024 tại đội 3, xã T, V.

Đối với file video thứ hai mà ông B cung cấp, được xác định trích từ hệ thống CAMERA lắp đặt tại xưởng may H của chị Nguyễn Thị Thanh N1, SN: 1986, Nơi thường trú: khu F, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, bà N1 là người đã cung cấp file video cho ông Đinh Xuân B, và ngày 21/02/2025 ông B cung cấp cho Toà án nhân dân thành phố Việt Trì. Ngày 10/3/2025, Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định File video này. Tại Bản kết luận giám định số 289 ngày 18/03/2025 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: *Không tìm thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file video gửi giám định*. File video này có nội dung thể hiện hình ảnh khi cơ quan điều tra đến nơi P làm việc là xưởng may Hằng N4 của chị Nguyễn Thị Thanh N1, SN: 1986, Nơi thường trú: khu F, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để triệu tập P về làm việc, ông B cho rằng hình ảnh này thể hiện P bị Cơ quan điều tra đến bắt chứ không phải đến cơ quan điều tra đầu thú. Đối với nội dung này Cơ quan điều tra Công an tỉnh P đã có Văn bản trao đổi với Toà án nhân dân thành phố Việt Trì nội dung: Vào ngày 21/08/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V phối hợp với Công an xã P đến xưởng may nơi P làm việc để triệu tập thì P đã khai ra các đối tượng khác và tài liệu liên quan đến vụ trộm cắp tài sản vào ngày 29/7/2024 tại xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên cơ quan điều tra phải đưa P đi xác minh các thông tin P khai nhận có đúng sự thật khách quan hay không. Sau khi đã xác minh được những thông tin mà P khai báo cơ quan điều tra đã áp dụng tình tiết có lợi cho bị can về sau và bị can P đã xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Xét thấy, việc áp dụng tình tiết người phạm tội đầu thú là tình tiết có lợi

cho bị can, do vậy việc Cơ quan điều tra lập biên bản người phạm tội đầu thú sau thời điểm đến triệu tập và dẫn giải P tại Xưởng may H11 là phù hợp.

* Ngày 06/3/2025, Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định đối với vật chứng trong vụ án là: 01 (một) kết sắt nhãn hiệu VIỆT TIẾP có chiều ngang 44 cm, chiều cao 80 cm, trên kết sắt có nhiều vết cạy phá cả bên trong và bên ngoài và 01 (một) xà cạy bằng kim loại tối màu có tổng chiều dài là 80cm thu giữ tại cửa hàng thu mua sắt vụn của bà Nguyễn Thị T6, sinh năm: 1961, HKTT: khu F, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là công cụ đã dùng để cạy phá kết sắt trộm cắp tài sản là số tiền 180 triệu vào ngày 29/7/2024 tại đội 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Tại Bản kết luận giám định số 286 ngày 17/3/2025 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: *Chiếc xà cạy gửi giám định và các vật tày cứng tương tự có thể tạo nên dấu vết cạy phá trên chiếc kết sắt gửi giám định.* Cơ quan điều tra đã làm việc với bà Nguyễn Thị T6, sinh năm: 1961, HKTT: khu F, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ tiến hành cho bà T6 nhận dạng đối với Nguyễn Việt A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên. Bà T6 xác định và nhận dạng Việt A là người đã bán cho bà chiếc xà cạy vào ngày 30/7/2024.

* Cơ quan điều tra đã tiến hành Hỏi cung đối với Đinh Văn P, Đỗ Minh T3, Trần Hà P1 và Nguyễn Văn H10: Kết quả: Các bị cáo Phúc, T3 và H10 đều khẳng định có tham gia vào vụ án trộm cắp tài sản là số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của chị Nguyễn Thị H7, SN: 1993, Nơi thường trú: đội C, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ vào ngày 29/07/2024. Trong đó, P cùng T5, Việt A và T3 là người trực tiếp vào nhà chị H7 để đục phá kết sắt trộm cắp tiền. Còn H10, P1, L và T đứng ngoài cảnh giới cho việc trộm cắp tài sản. Sau khi trộm cắp được tiền P chia cho H10 hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); chia cho L hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); chia cho Việt Anh hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); chia cho T3 hưởng lợi số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) và chia cho P1 hưởng lợi số tiền là khoảng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền còn lại thì P hưởng lợi là 87.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết. Mặc dù biết P1, Việt A, T và L không thừa nhận việc trộm cắp tài sản nhưng P, T3 và H10 vẫn khẳng định cùng Phương, Việt A, L, T cùng T3 và T5 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 29/07/2024 tại xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. P khẳng định cùng H10, P1, Việt A, L, T, T5 và T3 thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của chị H7 vào ngày 29/07/2024. Tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì vào ngày 21/02/2025 P, T3 và H10 khai nhận không tham gia vào vụ trộm cắp tài sản 180.000.000 đồng là do trong lúc đợi xét xử P, T3 và H10 đã bàn bạc thống nhất là không được khai nhận tham gia vụ trộm cắp tài sản vào ngày 29/7/2024 để không bị xử lý trước pháp luật. Đối với Trần Hà P1, bị cáo chỉ thừa nhận tham gia vụ trộm cắp đồ gia dụng tại phòng trọ thuộc khu E xã T; không thừa nhận có tham gia vụ trộm cắp tài sản số tiền 180 triệu đồng tại khu C T, V. Lý do tại bản khai ngày 23/8/2024 (có bố đẻ là ông Trần Mạnh H2 tham gia chứng kiến việc lấy lời khai), P1 khai nhận có tham gia vụ trộm cắp tài sản ngày 29/7/2024 là do bị ép cung, nhưng P1 và người đại diện theo pháp luật không cung cấp được tài liệu, hình ảnh liên quan đến việc bị đe dọa, ép cung.

* Làm việc với Nguyễn Anh T5: Thái khẳng định mình tham gia vào cả 02 vụ trộm cắp tài sản, gồm vụ trộm cắp 05 đồ gia dụng vào ngày 14/07/2024 tại khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và vụ trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024 tại đội 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đến ngày 14/01/2024, T5 đã nhờ gia đình đến Cơ quan điều tra đề nghị nguyện bồi thường, khắc phục số tiền là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) cho chị H7, số tiền còn lại Thái xin được khắc phục sau. Ngoài ra T5 còn khai báo thêm nội dung: Trong quá trình điều tra, T5 đã bị Trần Hà P1 cùng Nguyễn Thị Thảo L nhiều lần nhấn tin đe dọa, yêu cầu T5 không thừa nhận vụ việc trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024. Tuy nhiên, quá trình làm việc với Cơ quan điều tra T5 vẫn khẳng định bản thân T5 cùng P1, L, T, T3, P, H10 và Việt A đã cùng thực hiện việc trộm cắp nêu trên và được P chia cho hưởng lợi số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

* Tiến hành làm việc với Đỗ Hoàng T, Nguyễn Việt A: T, A khẳng định mình tham gia vào vụ trộm cắp 05 đồ gia dụng vào ngày 14/07/2024 tại khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và không tham gia vào vụ trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 29/07/2024 tại đội 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Lý do trước đây T, Việt A khai nhận như vậy là do bị ép cung, nhưng T, Việt A và người đại diện theo pháp luật không cung cấp được tài liệu, hình ảnh liên quan đến việc T, Việt A bị đe dọa ép cung.

* Đối với Nguyễn Thị Thảo L, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập nhưng L không đến làm việc theo quy định.

Quá trình điều tra bổ sung, căn cứ vào các tài liệu đã được điều tra trước đây và tài liệu điều tra bổ sung, đủ căn cứ để khẳng định Đinh Văn P, Trần Hà P1, Đỗ Minh T3, Nguyễn Văn H10, Nguyễn Anh T5, Đỗ Hoàng T, Nguyễn Việt A, Nguyễn Thị Thảo L có thực hiện vụ trộm cắp tài sản là số tiền 180 triệu đồng của gia đình chị Nguyễn Thị H7 tại Khu C T, V. Việc khởi tố, truy tố đối với Đinh Văn P, Trần Hà P1, Đỗ Minh T3, Nguyễn Văn H10 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 37/CT-VKS-VT ngày 04/4/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì để xét xử đối với các bị cáo Đinh Văn P, Trần Hà P1, Nguyễn Văn H10, Đỗ Minh T3 về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 12/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 173; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 1 Điều 55 và Khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Đinh Văn P.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 173; điểm n khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Trần Hà P1.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Minh T3.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Nguyễn Văn H10.

Căn cứ: Điểm a, b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn P, Đỗ Minh T3, Trần Hà P1, Nguyễn Văn H10 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn P 27 (Hai mươi bảy) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 10/HSST ngày 05/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì. Buộc P phải chấp hành chung của cả hai bản án là 30 (Ba mươi) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2024.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh T3 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2025.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hà P1 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H10 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H10 cho UBND xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án:

- Trả lại cho bị hại Phạm Ngọc D: 01 chiếc nồi cơm điện nhãn hiệu SHARP màu trắng xám dung tích 1,8 lít đã qua sử dụng; 01 chiếc bếp ga nhãn hiệu CLesse màu đỏ đen loại bếp đôi đã qua sử dụng; 01 bình ga bằng thép màu xanh loại 12 kilogam đã qua sử dụng; 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu PANASONIC màu xám loại 150 lít, một cánh cửa đã qua sử dụng và số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị hại chị Nguyễn Thị H7 số tiền 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) là tiền gia đình Đỗ Minh T3, Nguyễn Anh T5 và Nguyễn Văn H10 tự nguyện khắc phục hậu quả.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 chiếc xà cây bằng kim loại và 01 chiếc kim bằng kim loại là phương tiện các bị cáo dùng vào việc trộm cắp tài sản.

- Trả lại cho ông Trần Mạnh H2 01 xe gắn máy nhãn hiệu Smile Cub, BKS: 19AN – 00655.

Vật chứng là đồ vật được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố V bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/01/2025. Vật chứng là tiền theo biên lai thu tiền số 0004831 ngày 22/01/2025 của Cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Đinh Văn P phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng);

- Buộc bị cáo Trần Hà P1 phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị L1 - đại diện hợp pháp cho Nguyễn Anh T5 phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

- Buộc bà Hoàng Thị V – đại diện hợp pháp cho Đỗ Hoàng T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị N2 – đại diện hợp pháp cho Nguyễn Việt A phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị H4 – đại diện hợp pháp cho Nguyễn Thị Thảo L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

"Trong trường hợp bản án đ-ược thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ-ược thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

4. Về án phí: Buộc các bị cáo P, P1, T3, H10 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo P phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bị cáo P1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị N2 (mẹ Nguyễn Việt A) phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bà Hoàng Thị V (mẹ Đỗ Hoàng T) phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị H4 (mẹ Nguyễn Thị Thảo L) phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị L1 (mẹ Nguyễn Anh T5) phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Ngày 16/5/2025 bị cáo Đinh Văn P làm đơn kháng cáo, ngày 30 tháng 5 năm 2025 ông Đinh Xuân B là người đại diện hợp pháp cho bị cáo P có đơn kháng cáo theo thông báo về việc yêu cầu làm lại sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo của Tòa án nội dung Đinh Văn P không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 29/7/2024.

Ngày 22/5/2025 bị cáo Trần Hà P1 và ông Trần Mạnh H2 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo P1 có đơn kháng cáo nội dung Trần Hà P1 không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 29/7/2024.

Vào ngày 26/5/2025 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Thị Thảo L2 làm đơn kháng cáo; Ngày 22/5/2025 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu Đỗ Hoàng T làm đơn kháng cáo; Ngày 30/5/2025 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Việt A làm đơn kháng cáo theo thông báo về việc yêu cầu làm lại sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo của Tòa án, đều có nội dung cháu Nguyễn Thị Thảo L2, cháu Đỗ Hoàng T, cháu Nguyễn Việt A đều không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 29/7/2024, không hưởng lợi nên không có nghĩa vụ bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự.,

2.1. Đối với bị cáo Đinh Văn P: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn P. Giữ nguyên quan điểm về tội danh, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, do vậy, trách nhiệm hình sự của bị cáo được giảm hơn so với quy kết của Bản án sơ thẩm (27 tháng tù). Vì vậy, đề nghị sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng không áp dụng tình tiết tăng nặng nêu trên và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị giảm từ 3-6 tháng tù so với mức án của cấp sơ thẩm.

2.2. Đối với bị cáo Trần Hà P1: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P1. Giữ nguyên tội danh, mức hình phạt, các tình tiết khác áp dụng đối với bị cáo (mức phạt 16 tháng tù).

2.3. Đối với bị cáo Đỗ Minh T3: Mặc dù T3 không có đơn kháng cáo nhưng Bản án tuyên thời hạn tù đối với bị cáo T3 được tính kể từ ngày 05/3/2025 (ngày bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác) là không đúng quy định. Do đó cần sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng: xác định hình phạt tù đối với bị cáo T3 được tính kể từ khi bị cáo chấp hành Bản án này.

2.4. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Hoàng T và Nguyễn Thị Thảo L, Nguyễn Việt A: Không chấp nhận kháng cáo của người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Hoàng T, Nguyễn Việt A và Nguyễn Thị Thảo L, mặc dù các đối tượng này không bị xử lý về hình sự do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, các đối tượng được hưởng lợi từ việc giúp sức cho nhóm của P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải bồi thường số tiền đã được hưởng. Giữ nguyên nội dung Bản án hình sự sơ thẩm tuyên đối với T, Việt A và L.

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo và người liên quan không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Luật sư, trợ giúp viên pháp lý, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có quan điểm xem xét lại hành vi “Trộm cắp tài sản” ngày 29/7/2024 để chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Đinh Văn P và ông Đinh Xuân B là người đại diện hợp pháp cho bị cáo P; Bị cáo Trần Hà P1 và ông Trần Mạnh H2 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo P1; Kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thị Thảo L, cháu Nguyễn Việt A, cháu Đỗ Hoàng T trong thời hạn luật định, đơn kháng cáo hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm hiện trường, cho các đối tượng P, T3, T5 miêu tả lại quá trình đột nhập và đục kết sắt nhà chị Nguyễn Thị H7; giám định dấu vết cơ học giữa chiếc xà cày thu giữ được với chiếc kết sắt; cho bà Nguyễn Thị T6 là người đã mua của Việt A chiếc xà cày nhận dạng V. Những tài liệu chứng cứ này phản ánh tính khách quan của kết quả điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người liên quan, là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, ông Đinh Xuân B là bố của Đinh Văn P đã cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 file video có dữ liệu thể hiện ngày 29/7/2024 có nguồn gốc được bà Đinh Thị M1 (là chị gái của ông B) trích từ dữ liệu camera của nhà bà M1 gửi cho ông B và ông B đã giao nộp file video này cho Cơ quan điều tra Công an thành phố V. Theo lời khai của ông B, nội dung cam có thể hiện vào buổi trưa ngày 29/7/2024 không xuất hiện hình ảnh Đinh Văn P và Trần Hà P1 điều khiển xe máy rời khỏi nhà, gia đình ông B khẳng định buổi trưa ngày 29/7/2024, P và P1 ở nhà không đi đâu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trưng cầu giám định đối với file video mà ông B cung cấp. Tại Bản kết luận giám định số 75 ngày 14/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: *Không đủ cơ sở xác định nội dung trong File video gửi giám*

định có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không (do nội dung hình ảnh được ghi lại qua màn hình của một thiết bị khác). Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với bà Đinh Thị M1 đề nghị cung cấp file video gốc của hệ thống CAMERA để phục vụ công tác giám định, nhưng bà M1 chưa cung cấp được cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra bổ sung theo yêu cầu của Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, ngày 16/3/2025, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã làm việc lại một lần nữa với bà M1 để yêu cầu cung cấp file video gốc để phục vụ công tác giám định nhưng bà M1 không cung cấp được. Như vậy, kết luận giám định khẳng định không giám định được nội dung video do nội dung hình ảnh được ghi lại qua màn hình của một thiết bị khác, không phải là file video được trích xuất trực tiếp từ đầu ghi camera, dẫn đến không đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử, không đảm bảo tính khách quan của nội dung file video.

Bên cạnh đó, quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, ông B và bà M1 đã được xem lại dữ liệu video cung cấp, xác định thời gian hiển thị trên camera trong video mà ông B cung cấp là từ 09 giờ 11 phút 27 giây ngày 29/7/2024 đến 16 giờ 14 phút 55 giây ngày 29/7/2024 (tức là khoảng 7 giờ đồng hồ), tuy nhiên thời lượng trong file video chỉ có 01 giờ 03 phút 29 giây. Như vậy, dữ liệu không được ghi hình liên tục và đảm bảo thời lượng 100% so với thời gian hiển thị trên camera (nếu dữ liệu được ghi hình liên tục thì nếu thời gian hiển thị trên camera là 7 giờ sẽ tương ứng với thời lượng thực tế file video cũng sẽ phải là 7 giờ). Đối với dữ liệu điện tử, việc đảm bảo dữ liệu không mất, không bị gián đoạn, không bị cắt ghép hay chỉnh sửa là điều kiện cần và đủ để các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá dữ liệu điện tử đó có giá trị sử dụng để làm chứng cứ hay không. Do không đảm bảo tính khách quan của chứng cứ nên đối với nội dung file video do ông B cung cấp HĐXX xét thấy không có giá trị để sử dụng là chứng cứ chứng minh hành vi ngoại phạm của Đinh Văn P, Trần Hà P1 vào trưa ngày 29/7/2024.

Lời khai của những người thân trong gia đình của Đinh Văn P xác nhận buổi trưa ngày 29/7/2024 Đinh Văn P ở nhà không đi đâu, do cùng là người thân trong gia đình, không đảm bảo tính khách quan của chứng cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do bỏ học, thường xuyên bỏ nhà đi sống lang thang và ham chơi, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên ngày 14/7/2024, các bị cáo Đinh Văn P, Trần Hà P1, Đỗ Minh T9 có hành vi cùng Đỗ Hoàng T, Nguyễn Anh T5, Nguyễn Thị Thảo L và Nguyễn Việt A phá khoá cửa phòng trọ của anh Phạm Ngọc D tại khu E, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trộm cắp của anh D 01 quạt điều hoà, 01 tủ lạnh, 01 nồi cơm điện, 01 bếp ga và 01 bình ga của anh với tổng giá trị là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng); vào ngày 29/07/2024 các bị cáo Đinh Văn P, Trần Hà P1, Đỗ Minh T3, Nguyễn Văn H10 đã có hành vi cùng Đỗ Hoàng T, Nguyễn Anh T5, Nguyễn Thị Thảo L và Nguyễn Việt A đột nhập vào nhà ở của chị Nguyễn Thị H7 tại khu C, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ dùng xà cày phá kết sắt và trộm cắp số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) để

trong kết cấu của gia đình chị H7. Tổng giá trị tài sản hai lần trộm cắp là 182.300.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử bị cáo Đinh Văn P và Trần Hà P1 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[3.1] Xét kháng cáo của bị cáo Đinh Văn P2 và ông Đinh Xuân B là người đại diện hợp pháp cho bị cáo P2, bị cáo Trần Hà P1 và ông Trần Mạnh H2 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo P1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của Bị cáo Đinh Văn P, Trần Hà P3 nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, vi phạm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Hành vi đó cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với mỗi hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và để răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Đinh Văn P giữ vai trò chính là người chỉ huy và được hưởng lợi về số tiền trộm cắp nhiều nhất. Trực tiếp tham gia vào cả 2 vụ trộm cắp. Bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho người bị hại và có 2 tình tiết tăng nặng là tái phạm và phạm tội từ hai lần trở lên. Vì vậy mức hình phạt của Đinh Văn P cần nghiêm khắc để bảo đảm tính răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, do là người chưa thành niên nên bị cáo sẽ được áp dụng Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên để xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương ứng.

Đối với bị cáo Trần Hà P1 là đồng phạm, vai trò thứ yếu (đứng ngoài canh giới cả hai vụ). Tuy nhiên, P1 có 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội nhiều lần) và chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51; không thành khẩn khai báo, gây khó khăn cho hoạt động điều tra (nhắn tin đe dọa T5 không được khai báo) chưa khắc phục số tiền hưởng lợi. Mặc dù khi phạm tội P1 đang có thai và hiện đang nuôi con nhỏ nhưng P1 không có đủ tình tiết giảm nhẹ để cho hưởng án treo. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù ở mức đầu khung khoản 2 Điều 173 BLHS và áp dụng Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên để xác định mức hình phạt đối với Trần Hà P1 là phù hợp.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm còn có sai sót: Thứ nhất, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/SH-ST ngày 05/02/2024 (P thực hiện hành vi phạm tội ngày 24/10/2023 - khi đó P mới đủ 16 năm 02 tháng 01 ngày tuổi), theo quy định tại Khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự thì Bản án này không coi là án tích đối với Đinh Văn P,

Điều 107 BLHS quy định: Xóa án tích

“1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;”

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 12/5/2025 của Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đây là tiền án và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với Đinh Văn P là không đúng quy định nêu trên, gây bất lợi cho bị cáo nên cần giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Thứ hai, Bản án ghi nhận Đỗ Minh T3 bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P trong vụ án gây rối trật tự công cộng, còn trong vụ án này, bị cáo T3 không bị tạm giữ, tạm giam. Tuy nhiên, tại phần “Quyết định” của Bản án đã tuyên: “Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T3 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2025”. Như vậy, căn cứ để tính thời hạn tù đối với bị cáo T3 là không đúng, vì vụ án Gây rối trật tự công cộng thời điểm đó chưa xét xử.

Điều 38 BLHS quy định: Tù có thời hạn

“1. Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định.

Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 01 ngày tù.”

Như vậy, thời hạn tạm giam từ ngày 05/3/2025 trong vụ án Gây rối trật tự công cộng chỉ được tính khi xét xử vụ án, sau đó tổng hợp với hình phạt của Bản án này (do bị cáo T3 không kháng cáo nên có hiệu lực thi hành).

Ngày 24/7/2025, Viện kiểm sát khu vực 1 cung cấp tài liệu đối với Đỗ Minh T3 trong vụ án: Gây rối trật tự công cộng, xác định:

Ngày 30/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì ra Lệnh tạm giam đối với Đỗ Minh T3 thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 30/5/2025;

Ngày 16/6/2025, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì ra Quyết định thi hành án đối với Đỗ Minh T3, thi hành Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HSST ngày 12/5/2025, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2025.

Ngày 24/7/2025, Tòa án ND khu vực 1 đã xét xử đối với T3 tuyên phạt mức án 28 tháng tù, tổng hợp với hình phạt của Bản án 55 ngày 12/5/2025, buộc T3 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 44 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2025.

Như vậy, Quyết định thi hành án đối với T3 thi hành kể từ ngày tạm giam trong vụ án khác tại thời điểm đó chưa được đưa ra xét xử là không đúng cần sửa bản án sơ thẩm.

[3.2] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về trách nhiệm dân sự:

- Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Hoàng T: Quá trình điều tra bổ sung T không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản ngày 29/7/2024. Tuy nhiên trong suốt quá trình điều tra và đối chất T thừa nhận hành vi phạm tội của mình cùng các bị cáo tham gia trộm cắp tài sản ngày 29/7/2024 và được P chia cho số tiền hưởng lợi từ việc trộm cắp là 15.000.000đồng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc mẹ đẻ T là người đại diện hợp pháp cho T (tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp T chưa đủ 15 tuổi) phải bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Hoa số tiền trên là có căn cứ.

- Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Việt Anh: Tại phiên tòa và quá trình điều tra bổ sung Việt A không thừa nhận hành vi trộm cắp ngày 29/7/2024. Tuy nhiên quá trình điều tra tại biên bản ghi lời khai (BL 387 - 388) và bản tự khai, bản cam kết (BL 389 - 391) Nguyễn Việt A thừa nhận hành vi phạm tội của mình cùng các bị cáo tham gia trộm tài sản ngày 29/7/2024 của gia đình chị Nguyễn Thị H7 và được hưởng lợi từ P chia cho số tiền 15.000.000đồng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc mẹ đẻ Nguyễn Việt A là người đại diện hợp pháp cho A (tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp Việt A chưa đủ 15 tuổi) phải bồi thường số tiền trên cho chị Nguyễn Thị H7 là có căn cứ.

- Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thảo L: Quá trình điều tra không thừa nhận hành vi trộm cắp ngày 29/7/2024. Tuy nhiên qua lời khai của Việt A ngày 31/8/2024 (BL 387) biết L được P chia cho 15.000.000đồng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc mẹ L là người đại diện hợp pháp cho L (tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp L chưa đủ 15 tuổi) phải bồi thường số tiền trên cho chị Nguyễn Thị H7 là có căn cứ.

Vì vậy, Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Hoàng T, Nguyễn Việt A và Nguyễn Thị Thảo L.

Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc Bị cáo Đinh Văn P và người đại diện cho bị cáo là ông Đinh Xuân B phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng); bị cáo Trần Hà P1 và người đại diện cho bị cáo là ông Trần Mạnh H2 phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); bà Hoàng Thị V – đại diện hợp pháp cho Đỗ Hoàng T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); bà Nguyễn Thị N2 – đại diện hợp pháp cho Nguyễn Việt A phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); bà Nguyễn Thị H4 – đại diện hợp pháp cho Nguyễn Thị Thảo L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên cáo bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hình sự.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn P và ông Đinh Xuân B là người đại diện hợp pháp cho bị cáo P, bị cáo Trần Hà P4 ông Trần Mạnh H2 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo P1.

Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Hoàng T, Nguyễn Thị Thảo L và Nguyễn Việt A. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2025/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ).

2. Căn cứ: Khoản 2 Điều 173; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 1 Điều 55 và Khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Đinh Văn P.

3. Căn cứ: Khoản 2 Điều 173; điểm n khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Trần Hà P1.

4. Căn cứ: Khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Minh T3.

5. Căn cứ: Khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Nguyễn Văn H10.

6. Căn cứ: Điểm a, b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn P, Đỗ Minh T3, Trần Hà P1, Nguyễn Văn H10 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn P 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 10/HSST ngày 05/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì. Buộc P phải chấp hành chung của cả hai bản án là 27 (hai mươi bảy) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2024.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh T3 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án đối với bản án số 55/2025/HS-ST ngày 12/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hà P1 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H10 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H10 cho UBND xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có

thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

7. Về vật chứng vụ án:

- Trả lại cho bị hại Phạm Ngọc D: 01 chiếc nồi cơm điện nhãn hiệu SHARP màu trắng xám dung tích 1,8 lít đã qua sử dụng; 01 chiếc bếp ga nhãn hiệu Clesse màu đỏ đen loại bếp đôi đã qua sử dụng; 01 bình ga bằng thép màu xanh loại 12 kilogam đã qua sử dụng; 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu PANASONIC màu xám loại 150 lít, một cánh cửa đã qua sử dụng và số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị hại chị Nguyễn Thị H7 số tiền 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) là tiền gia đình Đỗ Minh T3, Nguyễn Anh T5 và Nguyễn Văn H10 tự nguyện khắc phục hậu quả.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 chiếc xà cày bằng kim loại và 01 chiếc kim bằng kim loại là phương tiện các bị cáo dùng vào việc trộm cắp tài sản.

- Trả lại cho ông Trần Mạnh H2 01 xe gắn máy nhãn hiệu Smile Cub, BKS: 19AN – 00655.

Vật chứng là đồ vật được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố V bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/01/2025. Vật chứng là tiền theo biên lai thu tiền số 0004831 ngày 22/01/2025 của Cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

8. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Đinh Văn P và người đại diện cho bị cáo là ông Đinh Xuân B phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng);

- Buộc bị cáo Trần Hà P1 và người đại diện cho bị cáo là ông Trần Mạnh H2 phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị L1 đại diện hợp pháp cho Nguyễn Anh T5 phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

- Buộc bà Hoàng Thị V – đại diện hợp pháp cho Đỗ Hoàng T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị N2 – đại diện hợp pháp cho Nguyễn Việt A phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị H4 – đại diện hợp pháp cho Nguyễn Thị Thảo L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H7 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

9.Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo P, P1, T3, H10 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo P phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bị cáo P1 phải chịu 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị N2 (mẹ Nguyễn Việt A) phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bà Hoàng Thị V (mẹ Đỗ Hoàng T) phải chịu 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị H4 (mẹ Nguyễn Thị Thảo L) phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị L1 (mẹ Nguyễn Anh T5) phải chịu án phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

10.Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đinh Văn P, Trần Hà P1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm. Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N2 (mẹ Nguyễn Việt A), bà Hoàng Thị V (mẹ Đỗ Hoàng T), bà Nguyễn Thị H4 (mẹ Nguyễn Thị Thảo L) mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hình sự.

11.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 1 – Phú Thọ;
- VKSND khu vực 1 – Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- TB UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Tuấn

